Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 67, No. 9, 336-339

KNOWLEDGE AND PRACTICE OF NUTRITIONAL CARE FOR CHILDREN UNDER 5 YEARS OLD AMONG MOTHERS IN SOME COMMUNES OF CAN THO CITY IN 2025

Nguyen Thanh Binh[1], Nguyen Kim Khanh Tien[2], Nguyen Thi Hong Tuyen[3], Nguyen Van Lanh[3*]

[1]*Nga Bay ward Health Station - 731 Hung Vuong, Nga Bay ward, Can Tho city, Vietnam*
[2]*Vo Truong Toan University - National Highway 1A, Thanh Xuan commune, Can Tho city, Vietnam*
[3]*Can Tho University of Medicine and Pharmacy - 179 Nguyen Van Cu, Tan An ward, Can Tho city, Vietnam*

Received: 24/06/2026
Revised: 24/07/2026; Accepted: 18/09/2026

ABSTRACT

Objectives: To describe the knowledge and practice of nutritional care for children under 5 years old among mothers in some communes of Can Tho city in 2025.

Subjects and methods: A descriptive cross-sectional study was conducted on 400 mothers with children under 5 years old in some communes of Can Tho city from April to October 2025. Data were collected through face-to-face interviews using a pre-structured questionnaire and analyzed using SPSS 22.0.

Results: Mothers aged 18-29 accounted for the highest proportion (58.8%), and most were of the Kinh ethnic group (90.8%). The proportion of mothers who clearly understood the benefits of colostrum was 86.5%, and those who correctly knew about nutritional care during pregnancy was 79.8%. Most children were breastfed (96.5%), of which 50.5% were breastfed within the first hour after birth. The proportion of mothers who introduced complementary feeding from 6 months of age or later was 79.5%; 68.5% of mothers weaned their children at 18 months of age or later. When children were ill, 56.3% of mothers breastfed and provided more food. The proportion of mothers who dewormed their children regularly every 6 months was 40.5%.

Conclusion: Mothers had relatively good knowledge and practices regarding nutritional care for children under 5 years old. However, practices related to early breastfeeding after birth and regular deworming still remain limited, and health education and communication in the community should be strengthened.

Keywords: Knowledge, practice, nutritional care, children under 5 years old, mothers.

*Corresponding author
Email: nvlanh@ctump.edu.vn **Phone:** (+84) 939539996 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i9.6658

KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH CHĂM SÓC DINH DƯỠNG TRẺ DƯỚI 5 TUỔI CỦA CÁC BÀ MẸ TẠI MỘT SỐ XÃ THUỘC THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2025

Nguyễn thanh Bình[1], Nguyễn Kim Khánh Tiên[2], Nguyễn Thị Hồng Tuyến[3], Nguyễn Văn Lành[3*]

[1]Trạm Y tế P. Ngã Bảy - 731 Hùng Vương, P. Ngã Bảy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
[2]Trường Đại học Võ Trường Toản - Quốc lộ 1A, xã Thạnh Xuân, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
[3]Trường Đại học Y Dược Cần Thơ - 179 Nguyễn Văn Cừ, P. Tân An, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Ngày nhận: 24/06/2026
Ngày sửa: 24/07/2026; Ngày đăng: 18/09/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức và thực hành chăm sóc dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi của các bà mẹ tại một số xã thuộc thành phố Cần Thơ năm 2025.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện trên 400 bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại một số xã thuộc thành phố Cần Thơ từ tháng 4-10 năm 2025. Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp thông qua bộ câu hỏi cấu trúc sẵn và được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0.

Kết quả: Nhóm bà mẹ từ 18-29 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (58,8%), đa số là dân tộc Kinh (90,8%). Tỷ lệ bà mẹ biết rõ lợi ích của sữa non là 86,5% và biết đúng về chăm sóc dinh dưỡng trong thời kỳ mang thai là 79,8%. Hầu hết trẻ được bú mẹ (96,5%), trong đó 50,5% trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh. Tỷ lệ bà mẹ cho trẻ ăn bổ sung từ 6 tháng tuổi trở lên là 79,5%; 68,5% bà mẹ cai sữa cho trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên. Khi trẻ bị bệnh, 56,3% bà mẹ cho trẻ bú mẹ và ăn uống nhiều hơn. Tỷ lệ bà mẹ cho trẻ tẩy giun định kỳ 6 tháng/lần là 40,5%.

Kết luận: Các bà mẹ có kiến thức và thực hành tương đối tốt về chăm sóc dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi. Tuy nhiên, thực hành cho trẻ bú mẹ sớm sau sinh và tẩy giun định kỳ vẫn còn hạn chế, cần được tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

Từ khóa: Kiến thức, thực hành, chăm sóc dinh dưỡng, trẻ dưới 5 tuổi, bà mẹ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dinh dưỡng hợp lý trong những năm đầu đời đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tăng trưởng, phát triển thể chất, trí tuệ và sức khỏe lâu dài của trẻ em. Giai đoạn từ khi sinh đến 5 tuổi được xem là thời kỳ quyết định đối với sự phát triển của trẻ, trong đó việc nuôi dưỡng và chăm sóc dinh dưỡng phù hợp có thể giúp phòng ngừa suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cũng như nhiều bệnh lý thường gặp ở trẻ nhỏ [1-2]. Ngược lại, dinh dưỡng không đầy đủ hoặc thực hành nuôi dưỡng không phù hợp có thể dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng, chậm phát triển thể chất và nhận thức, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực trong tương lai [3].

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, suy dinh dưỡng vẫn là nguyên nhân liên quan đến gần một nửa số trường hợp tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi trên toàn thế giới [4]. Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em, tình trạng suy dinh dưỡng và các vấn đề dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi vẫn còn tồn tại ở nhiều địa phương. Kết quả tổng điều tra dinh dưỡng toàn quốc giai đoạn 2019-2020 cho thấy tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi và nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi vẫn ở mức đáng quan tâm [5].

Nhiều nghiên cứu cho thấy kiến thức và thực hành chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ. Những bà mẹ có kiến thức đúng về nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung, lựa chọn thực phẩm và chăm sóc trẻ khi bị bệnh thường có khả năng thực hành chăm sóc trẻ tốt hơn, từ đó góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe của trẻ [6-7]. Ngược lại, kiến thức chưa đầy đủ hoặc thực hành chưa phù hợp có thể làm gia tăng nguy cơ suy dinh dưỡng và các vấn đề sức khỏe khác ở trẻ em.

Tại thành phố Cần Thơ, mặc dù công tác truyền thông giáo dục sức khỏe và chăm sóc dinh dưỡng trẻ em được triển khai thường xuyên, tuy nhiên vẫn còn thiếu các nghiên cứu đánh giá toàn diện về kiến thức và thực hành chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại cộng đồng. Việc đánh giá thực trạng kiến thức và thực hành của bà mẹ sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe và can thiệp dinh dưỡng phù hợp với điều kiện địa phương.

Xuất phát từ thực tế trên, nghiên cứu "Kiến thức, thực hành về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại một số xã thuộc thành phố Cần Thơ năm 2025" được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng kiến thức, thực hành và một số yếu tố liên quan, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc dinh dưỡng trẻ em tại cộng đồng.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

2.2. Địa điểm và thời gian

Nghiên cứu được tiến hành tại 6 xã thuộc địa bàn huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A của tỉnh Hậu Giang (cũ), nay thuộc thành phố Cần Thơ.

Thời gian: từ tháng 4-10 năm 2025.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại một số xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ đồng ý tham gia nghiên cứu.

- *Tiêu chuẩn lựa chọn:* Bà mẹ có con dưới 5 tuổi (trẻ sinh từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/3/2025), có khả năng trả lời đầy đủ các câu hỏi phỏng vấn và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- *Tiêu chuẩn loại trừ:* Bà mẹ vắng mặt trong thời gian điều tra, và không hoàn thành bộ câu hỏi nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu

*Tác giả liên hệ
Email: nvlanh@ctump.edu.vn **Điện thoại:** (+84) 939539996 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i9.6658

Nghiên cứu sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ trong nghiên cứu cắt ngang:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó n là cỡ mẫu nghiên cứu; p là tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về phòng chống suy dinh dưỡng theo nghiên cứu của Bùi Kim Chiên và cộng sự về tỷ lệ này là 87% [8]; d = 0,04 là sai số cho phép; Z là hệ số tin cậy, với độ tin cậy 95%, chọn hệ số thiết kế 1,4.

Thế vào công thức, tính được cỡ mẫu tối thiểu là 384, làm tròn 400 bà mẹ có con dưới 5 tuổi.

2.5. Phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên nhiều giai đoạn. 6 xã gồm Châu Thành, Đông Phước, Phú Hữu, Thạnh Xuân, Tân Hòa và Trường Long Tây được chọn làm địa bàn nghiên cứu. Danh sách trẻ dưới 5 tuổi tại mỗi xã được thu thập từ sổ quản lý của trạm y tế xã.

Cỡ mẫu được phân bổ cho từng xã theo tỷ lệ số trẻ dưới 5 tuổi của địa phương. Tại mỗi xã, lập danh sách các trẻ đủ tiêu chuẩn nghiên cứu và đánh số thứ tự. Sau đó, sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn để lựa chọn số trẻ cần điều tra tại từng xã.

Đối với mỗi trẻ được chọn, bà mẹ hoặc người chăm sóc chính của trẻ được mời tham gia phỏng vấn về kiến thức và thực hành chăm sóc dinh dưỡng trẻ. Trường hợp đối tượng vắng mặt hoặc từ chối tham gia nghiên cứu sẽ được thay thế bằng đối tượng dự phòng trong cùng danh sách đã được lựa chọn ngẫu nhiên trước đó.

2.6. Nội dung nghiên cứu

Kiến thức của bà mẹ về chăm sóc dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi, bao gồm: nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung, lựa chọn thực phẩm, phòng chống suy dinh dưỡng và chăm sóc trẻ khi bị bệnh.

Thực hành chăm sóc dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi của bà mẹ. Kiến thức và thực hành được đánh giá bằng bộ câu hỏi cấu trúc sẵn. Đối tượng đạt từ 70% tổng số điểm trở lên được xếp loại đạt; dưới 70% tổng số điểm được xếp loại chưa đạt.

2.7. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp bà mẹ thông qua bộ câu hỏi cấu trúc sẵn.

2.8. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 22.0. Thống kê mô tả được sử dụng để tính tần số, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Mức ý nghĩa thống kê được xác định khi p < 0,05.

2.9. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được sự chấp thuận của chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan. Tất cả đối tượng tham gia được giải thích đầy đủ về mục đích và nội dung nghiên cứu, đồng ý tham gia trên tinh thần tự nguyện. Các thông tin thu thập chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và được bảo mật.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của bà mẹ tham gia nghiên cứu (n = 400)

Đặc điểm		n	%
Nhóm tuổi của mẹ	18-29 tuổi	235	58,8
	30-39 tuổi	146	36,5
	≥ 40 tuổi	19	4,7
Dân tộc của mẹ	Kinh	363	90,8
	Khác	37	9,2
Trình độ học vấn của mẹ	Không biết chữ	41	10,2
	Tiểu học	56	14,0
	Trung học cơ sở	160	40,0
	Trung học phổ thông	93	23,3
	> Trung học phổ thông	50	12,5
Nghề nghiệp của mẹ	Nông dân	37	9,3
	Buôn bán	49	12,2
	Nội trợ	158	39,5
	Cán bộ, viên chức	26	6,5
	Khác	130	32,5

Nhóm bà mẹ từ 18-29 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (58,8%), đa số là dân tộc Kinh (90,8%) và có trình độ trung học cơ sở (40%). Nghề nghiệp phổ biến nhất là nội trợ (39,5%).

3.2. Kiến thức và thực hành chăm sóc dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi của bà mẹ

Bảng 2. Kiến thức của bà mẹ về chăm sóc dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi (n = 400)

Nội dung		n	%
Hiểu biết về lợi ích của sữa non	Biết rõ	346	86,5
	Biết không rõ	48	12,0
	Không biết	6	1,5
Hiểu biết về chăm sóc dinh dưỡng trong thời kỳ mang thai*	Biết rõ	319	79,8
	Biết không rõ	75	18,8
	Không biết	6	1,5

**Bao gồm khám thai định kỳ, ăn uống đầy đủ và bổ sung viên sắt/đa vi chất.*

Phần lớn bà mẹ có kiến thức đúng về lợi ích của sữa non (86,5%) và chăm sóc dinh dưỡng trong thời kỳ mang thai (79,8%).

Bảng 3. Thực hành nuôi dưỡng trẻ dưới 5 tuổi của bà mẹ (n = 400)

Nội dung		n	%
Nuôi con bằng sữa mẹ	Trẻ được bú mẹ	386	96,5
	Trẻ không được bú mẹ	14	3,5
Thời điểm bắt đầu bú mẹ sau sinh	< 1 giờ sau sinh	202	50,5
	1-24 giờ sau sinh	128	32,0
	1-2 ngày sau sinh	70	17,5
Thời gian cai sữa tối ưu	< 18 tháng	126	31,5
	≥ 18 tháng	274	68,5
Thời điểm cho trẻ ăn bổ sung	≥ 6 tháng tuổi	318	79,5
	4 đến < 6 tháng tuổi	82	20,5

Hầu hết trẻ được bú mẹ (96,5%). Có 50,5% trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh. Đa số bà mẹ cai sữa cho trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên (68,5%) và cho trẻ ăn bổ sung từ 6 tháng tuổi (79,5%).

Bảng 4. Thực hành chăm sóc trẻ khi bị bệnh và phòng bệnh (n = 400)

Nội dung		n	%
Cho trẻ ăn uống khi bị bệnh	Cho bú mẹ và ăn nhiều hơn	225	56,3
	Cho bú mẹ và ăn như bình thường	156	39,0
	Hạn chế ăn uống	19	4,7
Tẩy giun định kỳ cho trẻ	Tẩy giun định kỳ 6 tháng/lần	162	40,5
	Không tẩy giun định kỳ	238	59,5

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn bà mẹ tham gia nghiên cứu ở độ tuổi từ 18-29 tuổi (58,8%), thuộc dân tộc Kinh (90,8%) và có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở lên. Đây là những đặc điểm thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin và thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em. Nghiên cứu của Hoàng Thị Nam Giang và cộng sự cũng cho thấy trình độ học vấn của người mẹ có vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận kiến thức và thực hành dinh dưỡng cho trẻ [7].

Về kiến thức chăm sóc dinh dưỡng, có 86,5% bà mẹ biết rõ lợi ích của sữa non đối với trẻ. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Trần Thị Nhi và cộng sự, trong đó tỷ lệ bà mẹ hiểu đầy đủ về lợi ích của sữa non là 11,1% [9]. Sữa non là nguồn dinh dưỡng quý giá, chứa nhiều kháng thể giúp bảo vệ trẻ trước các bệnh nhiễm khuẩn trong giai đoạn đầu đời. Tỷ lệ hiểu biết khá cao trong nghiên cứu có thể phản ánh hiệu quả của các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe và hoạt động tư vấn tại các cơ sở y tế địa phương.

Đối với kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng trong thời kỳ mang thai, 79,8% bà mẹ biết rõ sự cần thiết của khám thai định kỳ, tăng cường dinh dưỡng và bổ sung viên sắt hoặc đa vi chất. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thúy Hằng và cộng sự, ghi nhận 84,3% hiểu biết về lượng thức ăn cần tiêu thụ khi mang thai và 80,2% về chế độ ăn phù hợp; kiến thức về bổ sung vi chất, đặc biệt là về sắt (88,4%) và axit folic (87,6%) [10]. Tuy nhiên vẫn còn gần 20% bà mẹ chưa có kiến thức đầy đủ, cho thấy nhu cầu tiếp tục tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

Về thực hành nuôi dưỡng trẻ, tỷ lệ trẻ được bú mẹ là 96,5%, cho thấy nuôi con bằng sữa mẹ vẫn được duy trì rộng rãi tại cộng đồng. Tuy nhiên, chỉ có 50,5% trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh. Kết quả này thấp hơn khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới về việc cho trẻ bú sớm ngay trong giờ đầu sau sinh nhằm tận dụng nguồn sữa non và tăng cường sự gắn kết mẹ con [1]. Điều này cho thấy vẫn còn khoảng một nửa số bà mẹ chưa thực hiện đúng thực hành bú mẹ sớm.

Nghiên cứu cũng ghi nhận 79,5% bà mẹ cho trẻ ăn bổ sung từ 6 tháng tuổi trở lên, phù hợp với khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc [1-2]. Bên cạnh đó, 68,5% bà mẹ cai sữa cho trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên. Đây là tín hiệu tích cực vì việc duy trì bú mẹ đến 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn được chứng minh mang lại nhiều lợi ích cho sức khỏe và sự phát triển của trẻ [1].

Khi trẻ bị bệnh, 56,3% bà mẹ cho trẻ bú mẹ và ăn uống nhiều hơn, trong khi 39% vẫn duy trì chế độ ăn như bình thường. Tỷ lệ bà mẹ hạn chế ăn uống khi trẻ bị bệnh chỉ chiếm 4,7%. Kết quả này cho thấy đa số bà mẹ đã có nhận thức đúng về nhu cầu dinh dưỡng tăng lên trong thời gian trẻ mắc bệnh. Tuy nhiên, tỷ lệ thực hành đúng vẫn chưa thật sự cao và cần được cải thiện thông qua các hoạt động tư vấn dinh dưỡng. Đáng chú ý, chỉ có 40,5% bà mẹ cho trẻ tẩy giun định kỳ 6 tháng một lần, thấp hơn so với khuyến cáo của Bộ Y tế đối với trẻ trong độ tuổi nguy cơ. Tỷ lệ này cho thấy việc phòng chống nhiễm giun sán tại cộng đồng còn hạn chế. Nghiên cứu của Viện Dinh dưỡng Quốc gia cũng cho thấy tẩy giun định kỳ là một trong những biện pháp quan trọng giúp cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm nguy cơ thiếu máu ở trẻ em [5].

5. KẾT LUẬN

Các bà mẹ trong nghiên cứu có kiến thức và thực hành tương đối tốt về chăm sóc dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi. Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung cần được cải thiện như thực hành bú mẹ sớm sau sinh và tẩy giun định kỳ cho trẻ. Do đó, cần tăng cường các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng và theo dõi chăm sóc trẻ tại cộng đồng nhằm nâng cao hơn nữa kiến thức và thực hành của các bà mẹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] World Health Organization. WHO guideline for complementary feeding of infants and young children 6-23 months of age, 2023.

[2] United Nations Children's Fun. Improving young children's diets during the complementary feeding period - UNICEF programming guidance, 2020. https://www.unicef.org/documents/improving-young-childrens-diets-during-complementary-feeding-period-unicef-programming

[3] Victora C.G, Adair L, Fall C et al. Maternal and child undernutrition: consequences for adult health and human capital. Lancet, 2008, 371 (9609): 340-57. doi: 10.1016/s0140-6736(07)61692-4.

[4] World Health Organization. WHO clinical consortium on healthy ageing 2023. Geneva, 2024. https://www.who.int/publications/i/item/9789240093546

[5] Viện Dinh dưỡng Quốc gia. Tổng điều tra dinh dưỡng 2019-2020, 2021.

[6] Black R.E, Victora C.G, Walker S.P et al. Maternal and child undernutrition and overweight in low-income and middle-income countries. Lancet, 2013, 382 (9890): 427-451. doi: 10.1016/s0140-6736(13)60937-x.

[7] Hoàng Thị Nam Giang, Lê Thọ Minh Hiếu. Yếu tố liên quan đến thực hành nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn ở trẻ ≤ 6 tháng tuổi. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, 2023, 21 (7): 94-100.

[8] Bùi Kim Chiên, Trần Hữu Lộc, Nguyễn Quốc Oai và cộng sự. Đánh giá thực trạng kiến thức và thái độ thực hành về phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em ở phụ nữ nuôi con dưới 5 tuổi tại xã Vân Khánh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Kỷ yếu các đề tài nghiên cứu khoa học của hệ truyền thông giáo dục sức khỏe năm 2014, tr. 119.

[9] Trần Thị Nhi, Mai Thị Nguyệt, Vũ Thị Nhung. Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh tại Khoa Sản ở Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Lạng Sơn. Tạp chí Y học Việt Nam, 2021, 504 (1): 162-166. doi: 10.51298/vmj.v504i1.857

[10] Nguyễn Thúy Hằng, Bùi Thị Cẩm Trà, Đỗ Nam Khánh và cộng sự. Tình trạng dinh dưỡng và kiến thức, thực hành về dinh dưỡng của phụ nữ mang thai đến khám tại Khoa Sản, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2023-2024. Tạp chí Y học Cộng đồng, 2025, 66 (CĐ 6): 209-215. doi: 10.52163/yhc.v66iCD6.2304